

Số: /GPMT-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty cổ phần dược liệu Bông Sen Vàng tại Văn bản số 27/CV-BSV ngày 25 tháng 8 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 436/TTr-SNNMT ngày 28 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần dược liệu Bông Sen Vàng (địa chỉ: thôn Đá Bàn, xã Hùng An, tỉnh Tuyên Quang) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở "Chuỗi liên kết trồng, chế biến, thương mại các sản phẩm giá trị cao từ dược liệu và nông sản tại tỉnh Hà Giang; Hợp phần 1 - Khu chế xuất dược liệu Bông Sen Vàng" tại thôn Đá Bàn, xã Hùng An, tỉnh Tuyên Quang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Chuỗi liên kết trồng, chế biến, thương mại các sản phẩm giá trị cao từ dược liệu và nông sản tại tỉnh Hà Giang; Hợp phần 1 - Khu chế xuất dược liệu Bông Sen Vàng.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tại thôn Đá Bàn, xã Hùng An, tỉnh Tuyên Quang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5100449616 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang (nay là Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang) cấp, đăng ký lần đầu ngày 05/6/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 06/8/2025; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5863780077 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang (nay là Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang) cấp chứng nhận lần đầu ngày 24/11/2017, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 18/01/2023.

1.4. Mã số thuế: 5100449616.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Trồng trọt, chế biến, sản xuất và thương mại sản phẩm từ dược liệu và nông sản - kết hợp giữa nông nghiệp công nghệ cao và chế biến công nghiệp nhẹ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Cơ sở "Chuỗi liên kết trồng, chế biến, thương mại các sản phẩm giá trị cao từ dược liệu và nông sản tại tỉnh Hà Giang; Hợp phần 1 - Khu chế xuất dược liệu Bông Sen Vàng" được thực hiện trên tổng diện tích đất là 11.627,8 m² tại thôn Đá Bàn, xã Hùng An, tỉnh Tuyên Quang.

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí Luật Đầu tư công): Cơ sở có tiêu chí như Dự án nhóm B.

- Cơ sở thuộc nhóm III theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP).

- Các hạng mục chính của cơ sở, gồm: Nhà máy dược phẩm Bông Sen Vàng; Khu sơ chế, chế biến và chiết xuất dược liệu 1 và 2; Nhà điều hành; Khu hậu cần cho sản xuất (Nhà bảo vệ, nhà phụ trợ, Kho lưu trữ chất thải, Nhà kỹ thuật); Nhà trưng bày giới thiệu sản phẩm; Nhà truyền thống; Các công trình hạ tầng phụ trợ khác (sân bê tông, đường giao thông nội bộ, vườn hoa, cây xanh; tường rào).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần dược liệu Bông Sen Vàng:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty cổ phần dược liệu Bông Sen Vàng có trách nhiệm:
 - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
 - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
 - 2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
 - 2.4. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.
 - 2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký ban hành (*quy định tại điểm c khoản 4 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường*).

Các giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hùng An tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở NN&MT (02 bản chính);
- UBND xã Hùng An;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Công ty cổ phần dược liệu Bông Sen Vàng;
- Lưu: VT, KTN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Gia Long

Phụ lục 1:
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-UBND ngày tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải (04 nguồn phát sinh nước thải):

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ chậu rửa, thoát sàn khu vệ sinh.
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ xí tiêu khu vệ sinh.
- Nguồn số 3: Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình rửa nguyên liệu.
- Nguồn số 4: Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn rửa nguyên liệu, dụng cụ và thiết bị sản xuất.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải (01 dòng nước thải)

2.1. *Nguồn tiếp nhận nước thải:* Hệ thống cống thoát nước chung của khu vực cạnh tuyến Quốc lộ 2 thuộc địa phận thôn Đá Bàn, xã Hùng An, tỉnh Tuyên Quang.

2.2 *Vị trí xả nước thải:*

- Vị trí xả nước thải: Hệ thống cống thoát nước chung của khu vực cạnh tuyến Quốc lộ 2 thuộc địa phận thôn Đá Bàn, xã Hùng An, tỉnh Tuyên Quang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°

$$X = 2468965; \quad Y = 436090$$

2.3. *Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:* 200 m³/ngày, đêm

2.4. *Phương thức xả nước thải:* Bơm cưỡng bức.

2.5. *Chế độ xả nước thải:* Theo chu kỳ của hệ thống xử lý nước thải.

2.6. *Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.*

a) Kể từ khi cấp phép đến hết ngày 31/12/2031: Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp - QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, Kq=0,9, Kf=1,1) cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1.	Nhiệt độ	°C	40		
2.	pH	-	5,5 -9	Không	Không thuộc

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
3.	BOD ₅ (20°C)	mg/l	49,5	thuộc đối tượng	đối tượng
4.	COD	mg/l	148,5		
5.	Chất rắn lơ lửng	mg/l	99		
6.	Amoni (tính theo N)	mg/l	9,9		
7.	Tổng Nitơ	mg/l	39,6		
8.	Tổng Photpho	mg/l	5,94		
9.	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		
10.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9,9		

b) Kể từ ngày 01/01/2032 đến khi hết thời hạn của Giấy phép môi trường: Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp - QCVN 40:2025/BTNMT, cột B, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép(QCVN40:2025/BTNMT, cộtB)
1.	pH	-	6-9
2.	Nhiệt độ	Độ C	≤40
3.	BOD ₅ (20°C)	mg/l	≤ 60
4.	COD	mg/l	≤ 90
5.	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	≤ 80
6.	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤ 10
7.	Tổng Nitơ	mg/l	≤ 40
8.	Tổng Photpho	mg/l	≤ 6,0
9.	Tổng Coliforms	MPN/100ml	≤5.000
10.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	≤ 5,0

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải của cơ sở:

Hệ thống thoát nước thải từ các khu nhà vệ sinh, nước thải khu bếp, nước thải sản xuất rửa nguyên vật liệu được thoát theo các hệ thống như sau:

- Nước thải đen: Nước thải thoát từ các khu vực toilet được thu gom dẫn vào bể tự hoại, sau đó nước thải được dẫn qua đường ống nhánh uPVC D100 tới bể xử lý nước thải tập trung 200 m³/ngày đêm được đặt ngầm để tiếp tục xử lý. Chiều dài tuyến thu gom, thoát nước thải này khoảng 170m.

- Nước thải xám: Nước thải thoát từ các chậu rửa và các phễu thu sàn nhà vệ sinh được thu gom và dẫn qua đường ống nhánh uPVC D100 tới bể xử lý nước thải tập trung 200 m³/ngày đêm. Chiều dài tuyến thu gom, thoát nước thải này khoảng 170 m.

- Nước thải khu bếp: Nước thải phát sinh từ các chậu rửa của khu vực bếp được thu gom rồi chảy về bể xử lý nước thải tập trung được đặt ngầm để tiếp tục xử lý.

- Nước thải sản xuất từ quá trình rửa nguyên liệu, dụng cụ và thiết bị sản xuất: Nước thải được thu gom về đường ống nhánh uPVC D125 theo ống HDPE D110 dẫn về tới bể xử lý nước thải tập trung 200 m³/ngày đêm. Chiều dài tuyến thu gom, thoát nước thải này khoảng 490 m.

1.2. Công trình xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại 3 ngăn

- Số lượng: 01 bể

- Dung tích bể tự hoại: 17 m³.

- Bể tự hoại 03 ngăn được xây dựng ngầm có kết cấu đáy bê tông cốt thép, tường xây gạch, thành chất vữa chống thấm.

- Hóa chất sử dụng: Chế phẩm vi sinh.

1.2.2. Công trình xử lý nước thải tập trung

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (nước thải sinh hoạt + nước thải sản xuất) → Bể điều hoà → Bể lắng sơ cấp → Bể oxy hoá mạnh → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí MBBR → Bể lắng thứ cấp → Bể chứa bùn → Bể khử trùng → Hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Thông số kỹ thuật các thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải:

Thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
A	Xử lý nước thải sản xuất		
1. Bể điều hoà			
Song chắn rác	- Chung loại: Cơ học dạng mắt lưới. - Kích thước lỗ: 10 x 10mm. - Vật liệu: SUS 304.	Bộ	1
Bơm nước thải bể điều hoà	- Chung loại: Bơm chìm nước thải - Lưu lượng Max: Q = 5,7m ³ /h.	Bộ	2

Thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
	- Cột áp Max: 4m.		
2. BỂ LẮNG SƠ CẤP			
Ổng trung tâm bể lắng sơ cấp	- Kích thước: 500x1500mm - Vật liệu: SUS304 - Máng răng cưa: Inox	Bộ	1
Bơm bùn bể lắng sơ cấp	- Chung loại: Bơm chìm nước thải - Lưu lượng: 7,2 - 12,6 m ³ /h - Xích kéo bơm M4 Inox	Bộ	1
B	Xử lý nước thải tổng hợp		
1. BỂ OXY HOÁ MẠNH			
Thiết bị sản xuất Ozone	- Công suất 2g/h - Lưu lượng khí 25 l/phút	Bộ	2
Bơm nước thải bể oxy hoá	- Chung loại: Bơm chìm nước thải - Lưu lượng Max 5,7 m ³ /h - Cột áp Max 4m	Bộ	2
2. BỂ THIẾU KHÍ			
Máy khuấy chìm	- Lưu lượng 2,4 m ³ /phút - Xích kéo bơm M4: Inox dài 5m	Bộ	2
3. BỂ HIẾU KHÍ - MBBR			
Máy thổi khí	- Lưu lượng 2,58 m ³ /phút - Cột áp 4m - Tốc độ đầu máy: ~1150 vòng/phút	Bộ	2
Đĩa phân phối khí tinh	- Kích thước D270 - Vật liệu ADPM - Lưu lượng 2,5 m ³ /giờ	Cái	54
Hệ thống vật liệu mang vi sinh	- Kích thước D100 - Vật liệu PVC, HDPE	Hệ	1
Bơm tuần hoàn nước thải bể hiếu khí	- Chung loại: Bơm chìm nước thải - Lưu lượng Max 5,7 m ³ /h - Cột áp Max 4m	Bộ	2
4. BỂ LẮNG THỨ CẤP			
Ổng trung tâm bể lắng thứ cấp	- Kích thước 500x1500mm - Vật liệu SUS304 - Máng răng cưa Inox	Bộ	1
Bơm bùn bể lắng thứ cấp	- Chung loại: Bơm chìm nước thải - Lưu lượng Max 5,7 m ³ /h - Cột áp Max 4m	Bộ	2

Thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
C	Hệ thống phụ trợ		
1. Hệ thống hoá chất			
Hệ thống khuấy trộn hoá chất	03 Thùng hoá chất thể tích 300 lít bằng vật liệu PVC	Hệ	1
2. Hệ thống điện động lực và điều khiển			
Hệ thống điện động lực và điều khiển	Vỏ tủ 600x500x1600mm; Thiết bị đóng cắt và bảo vệ Mitsubishi; Thiết bị chuyển mạch Idec; Thiết bị hiển thị Slec.	Hệ	1
Cáp điện và thang máng cáp	Cáp điện cho máy thổi khí CVV; Dây điện tròn cho phao báo mức của Cadisun	Hệ	1
3. Hệ thống đường ống và van liên kết			
Hệ thống đường ống và van liên kết	Ống cấp khí (trên cạn: ống thép mạ kẽm; dưới nước PVC); Ống nước thải PVC; Ống hoá chất PVC	Hệ	1

- Công suất xử lý: 200 m³/ngày, đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, PAC, PAA, Cơ chất C6H12O6, Soda Na₂CO₃, Javen,...

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ tránh sự cố tắc nghẽn, tắc đường ống dẫn, tắc đường ống thoát khí,...

- Thường xuyên kiểm tra và điều chỉnh chế độ làm việc của hệ thống xử lý nước thải, định kỳ kiểm tra chất lượng nước thải đầu ra, thuê đơn vị tư vấn có chức năng định kỳ đến thu gom bùn từ hệ thống xử lý nước thải đem đi xử lý, chuẩn vị tốt vật tư và nhân sự để khắc phục sớm sự cố, lập hồ sơ giám sát kỹ thuật để theo dõi sự ổn định của hệ thống bảo đảm hệ thống vận hành liên tục.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, thực hiện sử dụng thiết bị dự phòng để quá trình xử lý không bị gián đoạn; bảo đảm thực hiện các biện pháp khắc phục sự cố trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Bảo đảm hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Điểm xả nước thải ra môi trường phải theo quy định tại Phần A Phụ lục này, có biển báo, ký hiệu rõ ràng.

3.3. Bảo đảm bố trí nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Công ty cổ phần dược liệu Bông Sen Vàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc xả thải ra môi trường khi chưa đáp ứng quy định về xả thải theo yêu cầu quy định tại Mục 2 Phần A của Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

Phụ lục 2:
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số _____ /GPMT-UBND ngày tháng 01 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn 01: Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng;
- Nguồn 02: Từ máy móc trong nhà máy của khu chế xuất;
- Nguồn 03: Từ hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°):

- Nguồn số 01: X: 2468869 Y: 435974
- Nguồn số 02: X: 2468907 Y: 436015
- Nguồn số 03: X: 2468976 Y: 436027

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

a) Kể từ khi cấp phép đến hết ngày 31/12/2026

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn Quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn Quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể:

- Giới hạn đối với tiếng ồn của cơ sở:

STT	Khu vực	Giá trị giới hạn theo quy chuẩn quy định QCVN 26:2010/BTNMT, đơn vị dBA	
		Từ 6h00 - 21h00	Từ 21h00 - 6h00
1	Khu vực thông thường	70	55

- Giới hạn đối với độ rung của cơ sở:

STT	Khu vực	Giá trị giới hạn theo quy chuẩn quy định QCVN 27:2010/BTNMT, đơn vị dB	
		Từ 6h00 - 21h00	Từ 21h00 - 6h00
1	Khu vực thông thường	70	60

b) Kể từ ngày 01/01/2027 đến khi hết thời hạn của Giấy phép môi trường:

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn Quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2025/BNNMT, Quy chuẩn Quốc gia về độ rung - QCVN 27:2025/BNNMT, cụ thể:

- Giới hạn đối với tiếng ồn của cơ sở

STT	Khu vực bị ảnh hưởng	Giá trị giới hạn theo quy chuẩn quy định QCVN 26:2025/BNNMT, đơn vị dBA		
		Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)
1	Khu vực A (các khu vực cơ sở giáo dục nghề nghiệp)	50	45	40
2	Khu vực B (các khu vực nhà ở)	55	50	45
3	Khu vực E (các khu vực công trình công nghiệp và các công trình khác)	70	65	60

- Giới hạn đối với độ rung của cơ sở:

STT	Khu vực bị ảnh hưởng	Giá trị giới hạn theo quy chuẩn quy định QCVN 27:2025/BNNMT, đơn vị dB	
		Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00)
1	Khu vực A (các khu vực cơ sở giáo dục nghề nghiệp)	60	55
2	Khu vực B (các khu vực nhà ở)	65	60
3	Khu vực D (các khu vực công trình công nghiệp và các công trình khác)	75	70

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị của cơ sở để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung và ảnh hưởng xấu đến môi trường làm việc; ban hành quy định đối với tốc độ xe, tải trọng xe khi ra vào cơ sở; trang bị phương tiện bảo hộ lao động cho người lao động làm việc tại các vị trí có tiếng ồn, độ rung lớn; không vận hành máy móc, thiết bị vào ban đêm, giờ cao điểm.

3. Trồng cây xanh xung quanh cơ sở nhằm hấp thụ tiếng ồn đồng thời giảm bụi, khí thải phát tán vào môi trường xung quanh.

Phụ lục 3:
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số _____ /GP-UBND ngày _____ tháng 01 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/tháng)
1.	Giẻ lau dính chất thải nguy hại	18 02 01	Rắn	2
2.	Bao bì nhựa cứng dính chất thải nguy hại	18 01 03	Rắn	3
3.	Chai lọ thủy tinh dính chất thải nguy hại	18 01 09	Rắn	5
4.	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	2
5.	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	1
6.	Dầu nhớt thải	17 02 04	Lỏng	10
Tổng				23

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 30 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí các thùng chứa dung tích 120 lít các thùng chứa có nắp đậy kín không rò rỉ, không phát tán ra môi trường, dán nhãn mác lên thùng.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Bố trí 01 kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 25,9 m².
- Kho được xây dựng nền gạch men kết hợp xi măng chống thấm, tường gạch sơn trắng, mái tôn.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Chủ cơ sở bố trí các thùng chứa rác loại 120 lít có nắp đậy tại khu vực nhà điều hành, nhà trưng bày giới thiệu, nhà truyền thống; các thùng chứa rác 200 lít có nắp đậy bố trí tại các tuyến đường xung quanh cơ sở.

2.3. Yêu cầu chung đối với các thiết bị, hệ thống, công trình thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Công ty cổ phần dược liệu Bông Sen Vàng có trách nhiệm phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường liên quan đến hệ thống xử lý nước thải và các sự cố môi trường khác như sau:

1. Xây dựng, phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố môi trường cấp cơ sở (*sự cố tắc nghẽn, bục đường ống thu gom và xử lý nước thải*), công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường, tổ chức diễn tập ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 108, 109, 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP*); tổ chức ứng phó sự cố môi trường, thực hiện phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định pháp luật.

2. Bố trí các thiết bị chắn rác để tránh tắc đường ống thu gom, tiêu thoát nước thải; định kỳ kiểm tra, vệ sinh đường ống thoát nước thải; định kỳ hút bùn của hệ thống xử lý nước thải bảo đảm không để nước thải chưa xử lý rò rỉ, chảy tràn ra ngoài môi trường.

3. Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải./.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Cơ sở đã hoàn thành các nội dung yêu cầu về bảo vệ môi trường được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang (*nay là tỉnh Tuyên Quang*) phê duyệt tại Quyết định số 2489/QĐ-UBND ngày 24/12/2020.

D. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP*), Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (*được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT*). Định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Bố trí kinh phí, nhân lực thực hiện phòng cháy chữa cháy theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Đền bù thiệt hại, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động tại cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành./.